

## THÔNG TIN VỀ NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Tên đề tài luận án: “*Nghiên cứu tính thích hợp của thông tin kế toán trên báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam*”

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 9340301

Họ và tên nghiên cứu sinh: Trần Thị Hằng

Khóa: 9

Họ và tên người hướng dẫn:

1. PGS.TS. Nguyễn Thị Xuân Hồng – Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

2. PGS.TS. Trần Mạnh Dũng – Đại học Kinh tế Quốc dân

Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

### NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

Trên cơ sở tổng quan lý thuyết, thiết kế nghiên cứu và kết quả thực nghiệm, luận án có một số đóng góp mới nổi bật như sau:

#### **1. Đóng góp mới về cách tiếp cận lý luận**

Luận án phát triển cách tiếp cận tính thích hợp của thông tin kế toán theo hướng động và phụ thuộc bối cảnh, thay vì xem đây là một đặc tính tĩnh và đồng nhất như trong nhiều nghiên cứu trước.

Cụ thể, nghiên cứu không chỉ đo lường tính thích hợp ở mức tổng thể mà còn phân tích sự biến động của đặc tính này theo ngành nghề, thời gian và các giai đoạn kinh tế (trước, trong và sau đại dịch COVID-19).

Cách tiếp cận này góp phần làm rõ vai trò điều kiện hóa của bối cảnh ngành và chu kỳ kinh tế đối với mối quan hệ giữa thông tin kế toán và giá cổ phiếu, đồng thời bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho lý thuyết thông tin hữu ích và lý thuyết giá trị thích hợp của thông tin kế toán trong điều kiện thị trường mới nổi.

#### **2. Đóng góp mới về phương pháp nghiên cứu**

Luận án đề xuất và triển khai khung phương pháp nghiên cứu hai bước, qua đó góp phần khắc phục hạn chế của các nghiên cứu trước trong việc chưa tách bạch giữa đo lường và phân tích:

**Bước 1:** Đo lường tính thích hợp của thông tin kế toán thông qua hệ số  $R^2$  điều chỉnh của mô hình định giá cổ phiếu theo từng năm và từng ngành.

**Bước 2:** Sử dụng các giá trị  $R^2$  này như một biến phụ thuộc trong mô hình hồi quy dữ liệu bảng để phân tích các nhân tố ảnh hưởng.

Cách tiếp cận này cho phép:

- Tách biệt rõ ràng giữa đo lường và giải thích tính thích hợp của thông tin kế toán,
- Nâng cao khả năng so sánh giữa các nhóm doanh nghiệp, ngành và giai đoạn kinh tế.

Đặc biệt, trên cơ sở khoảng trống nghiên cứu liên quan đến việc đánh giá vai trò tương đối của các thành phần thông tin kế toán, luận án vận dụng cách tiếp cận giá trị Shapley nhằm lượng hóa mức độ đóng góp của từng chỉ tiêu kế toán (EPS, BVPS, CFOPS). Qua đó, nghiên cứu không chỉ phản ánh mức độ giải thích của thông tin kế toán đối với giá cổ phiếu mà còn làm rõ vai trò của từng thành phần thông tin trong mô hình định giá, góp phần nâng cao chiều sâu của phân tích thực nghiệm.

### **3. Đóng góp mới về bằng chứng thực nghiệm**

Luận án cung cấp bằng chứng thực nghiệm có hệ thống và cập nhật cho thị trường chứng khoán Việt Nam với một số điểm nổi bật:

- Sử dụng bộ dữ liệu dài hạn (2014–2024), bao quát các giai đoạn trước, trong và sau COVID-19, qua đó khắc phục hạn chế về phạm vi thời gian của các nghiên cứu trước.
- Kết hợp phân tích đa chiều theo ngành, theo thời gian và theo giai đoạn kinh tế.
- Làm rõ:
  - + Vai trò chi phối của lợi nhuận kế toán trong định giá cổ phiếu;
  - + Sự khác biệt đáng kể về tính thích hợp của thông tin kế toán giữa các ngành và các giai đoạn kinh tế;
  - + Tác động của các nhóm nhân tố (đặc điểm kinh tế - tài chính doanh nghiệp, cơ cấu sở hữu, đặc điểm hội đồng quản trị, đặc điểm kiểm toán và đặc điểm giao dịch cổ phiếu) đến tính thích hợp của thông tin kế toán.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu góp phần bổ sung bằng chứng thực nghiệm có tính hệ thống về tính thích hợp của thông tin kế toán trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

#### **4. Đóng góp mới về cách tiếp cận phân tích nhân tố ảnh hưởng**

Khác với cách tiếp cận phổ biến là đưa các nhân tố trực tiếp vào mô hình định giá, luận án tiếp cận theo hướng tách biệt hai giai đoạn nghiên cứu:

- (1) Đo lường tính thích hợp của thông tin kế toán (biến kết quả).
- (2) Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tính thích hợp của thông tin kế toán.

Cách tiếp cận này:

- Cho phép diễn giải tính thích hợp của thông tin kế toán như một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp;
- Tăng tính linh hoạt trong việc xây dựng và mở rộng mô hình phân tích;
- Đồng thời nâng cao khả năng giải thích bản chất tác động của các nhân tố trong các bối cảnh khác nhau.

#### **(5) Đóng góp mới về hàm ý thực tiễn và chính sách**

Luận án không chỉ dừng ở việc xác định các nhân tố ảnh hưởng mà còn liên kết trực tiếp kết quả thực nghiệm với hệ thống khuyến nghị cụ thể, gắn với từng nhóm nhân tố, bao gồm: đặc điểm kinh tế - tài chính doanh nghiệp, cơ cấu sở hữu, đặc điểm hội đồng quản trị, đặc điểm kiểm toán và đặc điểm giao dịch cổ phiếu.

Các khuyến nghị được xây dựng phù hợp với đặc thù của thị trường mới nổi, gắn với lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam, và dựa trên bằng chứng thực nghiệm định lượng, qua đó nâng cao tính khả thi và giá trị ứng dụng trong thực tiễn.

#### **(6) Đóng góp mới về bối cảnh nghiên cứu tại Việt Nam**

Luận án góp phần bổ sung bằng chứng thực nghiệm trong bối cảnh Việt Nam thông qua:

- Tập trung vào doanh nghiệp phi tài chính niêm yết, qua đó đảm bảo tính đồng nhất của mẫu nghiên cứu;
- Sử dụng dữ liệu trên cả hai Sàn Giao dịch Chứng khoán (HOSE và HNX), góp phần nâng cao tính đại diện;
- Kết hợp phân tích theo ngành, theo thời gian và theo giai đoạn kinh tế trong cùng một khung nghiên cứu.

Qua đó, nghiên cứu không chỉ bổ sung bằng chứng cho các nghiên cứu quốc tế trong bối cảnh thị trường mới nổi mà còn tạo nền tảng cho các hướng nghiên cứu tiếp theo như tác động của quá trình áp dụng IFRS, chất lượng công bố thông tin và hành vi thị trường.

Như vậy, luận án đóng góp cả về lý luận, phương pháp và thực nghiệm trong nghiên cứu tính thích hợp của thông tin kế toán, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc nâng cao chất lượng thông tin tài chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Người hướng dẫn 1**

**Người hướng dẫn 2**

**Nghiên cứu sinh**

**PGS.TS Nguyễn Thị Xuân Hồng**

**PGS.TS Trần Mạnh Dũng**

**Trần Thị Hằng**